

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2023

V/v: “Tranh chấp chia tài sản  
và nợ sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thu Huệ

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Thành, bà Nguyễn Thị Hương

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Huệ -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2023 về “*Tranh chấp chia tài sản và nợ sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-ST ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐ-ST ngày 29/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà D**, sinh năm 1983, có đơn vắng mặt.

- Bị đơn: **Ông H**, sinh năm 1982, vắng mặt

Cùng địa chỉ nơi cư trú: phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Người đại diện theo ủy quyền: Bà S, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh, có đơn vắng mặt.

**NỘI D VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023 và bản khai nguyên đơn bà D trình bày:*

Bà D và ông H là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số # /2023/QĐST-HNGĐ ngày

#/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Tại quyết định hai bên thỏa thuận thống nhất việc ly hôn và nuôi con chung, đối với tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn bà D và ông H không thỏa thuận thống nhất được về tài sản và nợ chung nên ngày 02/3/2023 bà D nộp đơn khởi kiện về chia tài sản chung và nợ sau ly hôn.

Cụ thể về tài sản chung bà D và ông H trong quá trình chung sống có một tài sản chung gồm là căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố C, phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn nhà được xây dựng trên thửa đất số # tờ bản đồ số #, diện tích 469,8m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số #, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS #, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho bà D vào ngày 07/4/20#, bà D xác định thửa đất là tài sản riêng của bà D nên không yêu cầu xem xét.

Nay bà D yêu cầu được chia đôi căn nhà nêu trên và đề nghị xem xét cho bà D được sử dụng căn nhà, bởi lẽ căn nhà tọa lạc trên quyền sử dụng đất thuộc tài sản riêng của bà D và hiện nay bà đang nuôi hai con còn nhỏ (sinh đôi, sinh năm 2013), không yêu cầu cấp dưỡng nên cần có chỗ ở ổn định để chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục các con. Mặt khác, hiện nay ông H đã lấy vợ mới nên bà D muốn được về ở lại căn nhà của mình, bà D sẽ hoàn lại giá trị tài sản tương ứng ½ giá trị còn lại cho ông H.

Về vật dụng sinh hoạt trong gia đình không yêu cầu chia.

Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Vay tại Ngân hàng C với số tiền gốc là 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số #/2020/HĐTD ngày 6/4/2020 và thế chấp quyền sử dụng đất số #, số vào sổ cấp giấy chứng nhận # ngày 7/4/20# do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà D. Dư nợ đến thời điểm hiện tại còn lại là: 228.000.000đồng, bà D đề nghị số tiền này được cân trừ trong tài sản chung được chia theo quy định, bà đồng ý tiếp tục trả số nợ này cho Ngân hàng.

*\* Bị đơn ông H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.*

*\* Tại văn bản ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C (viết tắt: Ngân hàng C) trình bày:*

Theo Hợp đồng tín dụng số #/2020/HĐTD ngày 6/4/2020 đã ký giữa Bà D với Ngân hàng C về vay vốn để xây dựng mới nhà ở xã hội với số tiền vay 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay 150 tháng; lãi suất vay do Chính phủ quyết định theo từng thời kỳ (năm 2020 là 4,8%/năm), lãi quá hạn 130% lãi suất cho vay; trả gốc, lãi định kỳ hàng tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày 08/10/2032. Tính đến ngày xét xử (ngày 21/7/2023) số tiền gốc còn nợ lại là 228.000.000đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu đồng) và lãi 389.786 đồng (Ba trăm

tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng). Đề nghị Tòa án khi giải quyết chia tài sản chung của bà D, ông H thì buộc các đương sự trả khoản nợ trên cho ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng C đồng ý thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn bà D, bà sẽ chịu trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng C khoản nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, không tham gia hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung: Áp dụng điều 28, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 213, 218 và 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 28, 33, 37, 59 và 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/8/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D, chia đôi giá trị tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại ...phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước sau khi trừ đi khoản nợ gốc và lãi tại Ngân hàng C, số còn lại mỗi người được nhận 1/2 giá trị tài sản; giao hiện vật là căn nhà cho bà D sở hữu, quản lý sử dụng; bà D có trách nhiệm hoàn lại 1/2 giá trị tài sản bằng tiền cho ông H; bà D có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C theo Hợp đồng tín dụng số #/2020/HĐTD và Hợp đồng thế chấp tài sản số #/2020/HĐTC ký cùng ngày 06/4/2020; án phí các nguyên đơn và bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà D yêu cầu được phân chia tài sản và nợ chung sau ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp Chia tài sản và nợ chung sau khi ly hôn”; tài sản tranh chấp là bất động sản (nhà, công trình gắn liền với đất) tọa lạc tại phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C có đơn xin vắng mặt hợp lệ; Bị đơn ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Bị đơn ông H đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và cung cấp tài liệu chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp để xem xét.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà D:

[3.1] Về tài sản chung: Bà D yêu cầu được chia đôi tài sản chung là căn nhà có diện tích 99,46m<sup>2</sup>, tọa lạc tại .... phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn nhà được xây dựng trên thửa đất số#, tờ bản đồ số #, diện tích 469,8m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số #, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận #, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (Sở TN&MT) cấp cho bà D vào ngày 07/4/20#, bà D xác định thửa đất là tài sản riêng nên không yêu cầu xem xét.

Ngày 13/3/2023 Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án và đã tiến hành tổng đạt cho bị đơn ông H, triệu tập ông đến Tòa án làm việc để có ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông H không có mặt; các thủ tục xem xét thẩm định, định giá, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử ông H đều không tham gia, như vậy là đương nhiên từ bỏ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện,... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Bị đơn ông H không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn đã đưa ra nên có căn cứ xác định, căn nhà tại tọa lạc tại ..., phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước là tài sản chung hợp pháp của bà D, ông H tạo dựng trong thời kỳ còn là vợ chồng và được chia theo quy định của pháp luật; phù hợp với các quy định tại Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài căn nhà yêu cầu chia nêu trên, các vật dụng sinh hoạt trong gia đình bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam đoan không còn tài sản chung nào khác để yêu cầu chia, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về thửa đất số#, tờ bản đồ số #, diện tích 469,8m<sup>2</sup> mà bà D, ông H xây dựng nhà trên đất, quá trình giải quyết bà D cho rằng là tài sản riêng của bà và cung cấp Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CI 013021, sổ vào sổ #, được Sở TN&MT cấp tên bà D vào ngày 07/4/20#, trong đó có văn bản cam kết của ông H ký xác nhận là tài sản riêng của bà D; mặc khác ông H không đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét đối với QSDĐ này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thửa đất.

[3.3] Về giá tài sản:

Căn nhà tại tọa lạc tại khu phố C, phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được bà D, ông H xây dựng vào năm 2020, khi xây có xin giấy phép đúng theo quy định của pháp luật, nhà cấp 3, diện tích xây dựng 99,46m<sup>2</sup>, kết cấu móng đà kiềng, cột bê tông cốt thép, tường bao xây gạch dày 200mm, tô trát sơn nước hai mặt, nền lát gạch men, xà gồ sắt, mái lợp tôn, trần thạch cao phần ngoài + nhựa trong phòng, khung nội, cửa đi và cửa sổ bằng sắt + kính, hệ thống điện nước đầy đủ; Ngoài ra còn có công trình phụ nhà vệ sinh tường gạch nền lát gạch men, 01

mái hiên cột xà sắt mái tôn, công và hàng rào xây gạch + lưới B40, sân lát gạch men và 01 giếng khoan. Theo biên bản định giá ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá, tổng giá trị còn lại của tài sản nhà ở và vật kiến trúc trên thửa đất là 492.320.860 đồng (*Bốn trăm chín mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn tám trăm sáu mươi đồng*), các đương sự không ai có ý kiến về giá trị tài sản đã được định giá.

#### [3.4] Về nợ chung:

Nguyên đơn bà D yêu cầu chia đôi số nợ chung hiện còn nợ Ngân hàng C là 228.000.000 đồng và lãi theo quy định; bà đồng ý nhận phần nợ để hàng tháng chịu trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng C. Ý kiến của Ngân hàng C thống nhất với đề nghị của bà D.

Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân bà D và ông H có thực hiện giao dịch vay Ngân hàng C số tiền gốc 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số #/2020/HĐTD và Hợp đồng thế chấp tài sản số #/2020/HĐTC cùng ngày 06/4/2020. Từ khi vay đến nay đã trả tiền gốc được 72.000.000 đồng và lãi 41.422.888 đồng; hiện còn dư nợ gốc là 228.000.000 đồng, lãi 389.786 đồng. Việc vay nợ ông H biết, có ký xác nhận trong hợp đồng thế chấp, mục đích vay để thanh toán chi phí xây dựng nhà tại khu phố Suối Cam, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (căn nhà là tài sản chung đang yêu cầu chia nêu trên); ông H nhận thông thụ lý vụ án của Tòa án và biết bà D yêu cầu chia đôi khoản nợ này nhưng không có ý kiến phản đối, vì vậy khoản nợ được xác định là nợ chung của bà D, ông H trong thời kỳ hôn nhân. Nay bà D, ông H đã ly hôn nên trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cần được giải quyết. Căn cứ Điều 37, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình, ông H, bà D phải trả cho Ngân hàng C số tiền gốc còn lại và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tuy nhiên, theo đề nghị của bà D, khi chia tài sản chung nêu trên thì cần trừ toàn bộ khoản nợ còn lại của Ngân hàng C và chuyển sang cho bà D chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Đề nghị này của bà D được Ngân hàng C đồng ý chấp nhận và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

#### [3.5] Về phân chia tài sản:

Yêu cầu của nguyên đơn bà D được Hội đồng xét xử chấp nhận, do căn nhà tọa lạc tại khu phố C, phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước có diện tích 99,6m<sup>2</sup> nên không thể chia đôi bằng hiện vật mà chia theo giá trị, bên nhận phần tài sản bằng hiện vật có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị tương ứng cho bên kia. Như vậy, sau khi trừ đi khoản nợ của Ngân hàng C gốc, lãi tính đến thời điểm xét xử là 228.389.786 đồng, số còn lại được chia đôi cho bà D và ông H, cụ thể như sau:

Tổng trị giá tài sản là: 492.320.860 đồng - 228.389.786 đồng = 263.931.074 đồng : 02 = 131.965.537 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*).

Về nguyện vọng của nguyên đơn mong muốn được nhận bằng hiện vật: Xét hiện nay bà D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung còn nhỏ, ngoài căn nhà đang yêu cầu chia nêu trên thì bà không còn nhà nào khác; ông H không có ý kiến gì về đề nghị của bà D nhận bằng hiện vật. Căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, để tạo điều kiện cho bà D có nơi ở ổn định, chăm sóc nuôi dưỡng các con chưa thành niên, cần giao hiện vật là căn nhà cho bà sở hữu, quản lý sử dụng; bà D có trách nhiệm hoàn lại  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản với số tiền 131.965.537 đồng cho ông H.

Khoản nợ Ngân hàng C được chuyển toàn bộ sang cho bà D trả nên bà D có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 BLTTDS và Điểm b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/8/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp 2.000.000 đồng, đã chi đủ.

*Vì các lẽ nêu trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 213, 218 và 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 28, 33, 37, 59 và 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/8/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án:

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với ông H về chia tài sản và nợ chung sau khi ly hôn.

2. Tài sản được chia như sau:

- Về giá trị: Bà D và ông H mỗi người được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tính bằng tiền là 131.965.537 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*).

- Về hiện vật: Giao bà D được sở hữu và quản lý sử dụng toàn bộ căn nhà tọa lạc tại khu phố C, phường Tiến Th, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (căn nhà xây dựng trên thửa đất số#, tờ bản đồ số #, diện tích 469,8m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất #, ngày 07/4/20# do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp tên bà D)

Bà D phải thanh toán cho ông H  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là 131.965.537 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*).

3. Về nợ: Bà D có trách nhiệm định kỳ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C - Chi nhánh Ngân hàng C số tiền gốc 228.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu đồng*) và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 21/7/2023) là 389.786 đồng (*Ba trăm tám chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng*). Phương thức trả nợ thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số #/2020/HĐTD và Hợp đồng thế chấp tài sản số #/2020/HĐTC cùng ngày 06/4/2020.

4. Đối với thửa đất số#, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất #, ngày 07/4/20# do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp tên bà D và các tài sản, vật dụng khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà D phải nộp 11.846.4# đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004800 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, còn lại bà D phải nộp tiếp là 3.846.4# đồng (*Ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm mười bảy đồng*);

Bị đơn ông H phải nộp 11.846.4# đồng (*Mười một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm mười bảy đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- CC THADS TP. Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

